

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 597/2023/HC-PT

Ngày 09 tháng 8 năm 2023

*“V/v khiếu kiện quyết định, hành vi hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:**
Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 487/2022/TLPT-HC ngày 05 tháng 11 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, do có kháng cáo đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2022/HC-ST, ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8720/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Trịnh Xuân H, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Quang H1 và ông Trần Văn T, Luật sư Văn phòng luật số 1 Nghệ An; địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, số 1 Đại lộ L, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; đều có mặt.

- **Người bị kiện:** UBND huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Viết H2, chức vụ: Phó chủ tịch và ông Hoàng Tiến A, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; đều có mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh H.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh Đ, chức vụ: Giám đốc Sở T7; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Hoàng H3, chức vụ: Phó chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Công ty cổ phần D1; địa chỉ: Số H, đường T, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Xuân P, Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần D1 và vật tư thú ý tại Hà Tĩnh; địa chỉ: Xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

4. Bà Trịnh Thị H4, sinh năm 1944; địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

5. Bà Trịnh Thị H5, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

6. Ông Trịnh Văn T1, sinh năm 1947; địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

7. Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

8. Ông Trịnh Văn T2, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ H, ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

9. Bà Trịnh Thị T3, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

10. Bà Trịnh Thị T4, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H4, bà H5, ông T1, bà L, ông T2, bà T3, bà T4: Ông Trịnh Xuân H, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông Trịnh Xuân H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

- *Người khởi kiện, ông Trịnh Xuân H trình bày:*

Bố mẹ ông H là ông Trịnh H6 và bà Phan Thị D (còn gọi là bà H4) sử dụng thửa đất số 532, tờ bản đồ số 02, bản đồ 299, diện tích 1.456m², thửa đất mang tên bà H4 từ trước năm 1975. Năm 1975 ông H6 chết, năm 1985 bà D chết, thửa đất trên vợ chồng ông H thừa kế, sử dụng; việc thừa kế này được các anh em trong gia đình thống nhất giao cho ông H quản lý và định đoạt.

Năm 1992, bác họ là ông Trịnh T5 chuyển vào miền N sinh sống nên nhờ ông H đến ở, quản lý, trông coi nhà cửa nên gia đình ông H đã chuyển đến nhà ông Trịnh T5 ở. Căn nhà, các tài sản gắn liền với đất như giếng nước, cây cối và thửa đất số 532 tờ bản đồ số 02 gia đình ông vẫn quản lý, sử dụng. Năm 1995, ông H phát hiện một số cá nhân, tổ chức đến phá nhà và chặt cây cối trong vườn nên ông đã đến Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã X báo cáo thì được trả lời là đất của ông H đã được thu hồi và giao cho người khác sử dụng. Ông H đã nhiều lần kiến nghị, khiếu nại lên UBND xã X và UBND huyện N nhưng chưa giải quyết thỏa đáng và dứt điểm, trong khi các gia đình khác bị thu hồi đất lại được bồi thường.

Ngày 21/6/2018 ông H có đơn và trực tiếp trình bày tại phiên tiếp công dân định kỳ của lãnh đạo UBND huyện N, đòi lại đất do bố mẹ ông để lại. Ngày 02/10/2018 UBND huyện N có Công văn số 1297/UBND-TNMT trả lời, viện dẫn khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013, bác đơn khiếu nại nên ông H khởi kiện yêu cầu giải quyết các nội dung sau:

1. Tuyên hủy toàn bộ nội dung Công văn số 1297/UBND-TNMT ngày 02/10/2018 của UBND huyện N.

2. Buộc UBND huyện N, UBND xã X trả lại cho ông thửa đất số 532, tờ bản đồ số 2, bản đồ 299, diện tích 1456m² tại xã X.

Quá trình giải quyết vụ án ông bổ sung nội dung: Nếu người bị kiện không trả lại đất thì đề nghị giao thửa đất có giá trị tương đương hoặc đề nghị bồi thường số tiền tương đương với giá trị sử dụng đất.

- *Người bị kiện, UBND huyện N trình bày:*

Trước năm 1975, thửa đất 532, tờ bản đồ số 02, bản đồ 299, diện tích 1.456m² tại thôn D (nay là thôn T) do ông Trịnh H6 và bà Phan Thị D (bố mẹ ông Trịnh Xuân H) sử dụng, năm 1975 ông Trịnh H6 chết và năm 1985 bà Phan Thị D chết; sau khi bố mẹ chết thì vợ chồng ông H tiếp tục sử dụng đến năm 1992 thì chuyển đi chỗ khác; trên thửa đất đó còn một số cây ông H chặt thu về; từ năm 1992 đến năm 1997 thửa đất này không có ai sử dụng.

Thực hiện Nghị quyết HĐND huyện N khoá 16 về xây dựng khu bãi tắm X, ngày 08/6/1995 UBND huyện N đã có Tờ trình số 96TT/UB xin phê duyệt dự án xây dựng khu B, N, Hà Tĩnh với quy mô 546ha, do UBND huyện làm chủ đầu tư; ngày 08/02/1996 UBND huyện N đã có Tờ trình số 150TT/UB xin phê duyệt đồ án quy hoạch tổng thể xây dựng Khu N do Hội kiến trúc sư Hà Tĩnh lập. Ngày 19/7/1996, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1031/QĐ/UB-XD về việc phê duyệt đồ án quy hoạch tổng thể xây dựng khu nghỉ mát biển X, xã X, huyện N với diện tích 250ha. Tại mục 2, thông báo số 31TB/UB-XD ngày 22/3/1997 thông báo nội dung làm việc của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh với UBND huyện N nêu:

UBND tỉnh đồng ý giao UBND huyện N được tạm cấp quyền sử dụng đất, đảm bảo nguyên tắc đúng quy hoạch, đúng đối tượng, mức giá, thời hạn và hình thức.

UBND huyện N đã tiến hành thu hồi đất, trong đó thửa đất số 532, tờ bản đồ số 02, bản đồ 299, diện tích 1.456m² tại thôn D (nay là thôn T) có nguồn gốc của ông Trịnh H6 và bà Phan Thị D cũng bị thu hồi để thực hiện chủ trương trên. Sau khi thu hồi đất, UBND huyện N đã cho các cá nhân, tổ chức thuê để xây dựng và kinh doanh thương mại, dịch vụ gồm: Chi cục thuế huyện N, Cục T8, ông Phan Hồng S, ông Nguyễn Sỹ L1, ông Võ Ngọc T6, Công ty cổ phần D1 và vật tư thú y. Hiện nay, diện tích đất thu hồi, trong đó có đất của gia đình ông H đang do Công ty cổ phần D1 và vật tư thú y quản lý, vận hành, kinh doanh khách sạn và được UBND tỉnh H cấp GCNQSDĐ số CV 476897, ngày 09/9/2020.

Thửa đất ông Trịnh Xuân H đang khởi kiện thuộc một phần thửa đất số 05, tờ bản đồ số 16, diện tích 4.040,3m² qua nhiều thời kỳ đã được Nhà nước giao cho các cá nhân, tổ chức sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ. Hiện nay UBND tỉnh đã cho Công ty cổ phần D1 và vật tư thú y thuê đất và cấp GCNQSDĐ để sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ (đầu tư xây dựng khách sạn H7). Căn cứ khoản 5, Điều 26 Luật Đất đai năm 2013 *“Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của N, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa M và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*, việc ông Trịnh Xuân H khởi kiện là không có căn cứ, đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, UBND tỉnh H trình bày:*

Theo báo cáo của UBND huyện N tại Văn bản số 521/UBND-TNMT ngày 25/3/2022 thì thửa đất số 532, tờ bản đồ số 2, bản đồ 299, diện tích 1.456m² tại xã X do ông Trịnh H6 và bà Phan Thị D (bố mẹ ông H) sử dụng trước năm 1975; năm 1975 ông Trịnh H6 chết và năm 1985 bà Phan Thị D chết; sau khi cha mẹ chết, vợ chồng ông H tiếp tục sử dụng đến năm 1992 chuyển đi nơi khác ở; từ năm 1992 đến năm 1997 thửa đất này không có ai sử dụng. Trải qua các thời kỳ thửa đất đã được nhà nước giao, cho thuê đất cho tổ chức, các nhân sử dụng. Hiện nay gia đình ông H đã được Nhà nước cấp đất ở tại nơi khác. Căn cứ khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013 thì việc ông Trịnh Xuân H đòi trả lại thửa đất số 532, tờ bản đồ số 02, bản đồ 299 với diện tích 1.456m² tại xã X là không có cơ sở chấp nhận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, UBND xã X: Thống nhất với quan điểm của UBND huyện N và UBND tỉnh H.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Công ty cổ phần D1 và vật tư thú y trình bày:*

Công ty H8 xây dựng khu khách sạn H7 tại khu D, xã X, huyện N và được

UBND tỉnh H quyết định chủ trương đầu tư số 2006/QĐ-UBND ngày 25/6/2019. Công ty H8 đã hoàn thành các thủ tục, hồ sơ như sau: Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt ngày 01/10/2019; Quyết định cho thuê đất số 2310/QĐ-UBND ngày 21/7/2020; Hợp đồng thuê đất số 38/2020/HĐTĐ ký ngày 28/7/2020; Biên bản giao thực địa ngày 18/8/2020; GCNQSDĐ số CV476897 ngày 09/9/2020; Giấy phép xây dựng số 22/GPXD ngày 22/6/2021. Hiện nay, công trình khu khách sạn H7 tại X đang được đầu tư xây dựng nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân H vì khu đất trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty H8.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị H4, bà Trịnh Thị H5, ông Trịnh Văn T1, bà Trịnh Thị L, ông Trịnh Văn T2, bà Trịnh Thị T3, bà Trịnh Thị T4:* Điều có văn bản uỷ quyền cho ông Trịnh Xuân H tham gia tố tụng và có quan điểm thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông H.

- *Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2022/HC-ST, ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:*

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 173, Điều 213 Bộ luật Dân sự 1995; Điều 164, Điều 207 Bộ luật Dân sự 2005, Điều 158, Điều 204 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 5 Điều 26, Điều 96, Điều 97, Điều 100, Điều 102 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân H về việc yêu cầu tuyên hủy toàn bộ nội dung Công văn số 1297/UBND-TNMT ngày 02/10/2018 của UBND huyện N và buộc UBND huyện N, UBND xã X trả lại cho thửa đất số 532, tờ bản đồ số 02, bản đồ 299, với diện tích 1.456m² tại xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/8/2022, ông Trịnh Xuân H có đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông Trịnh Xuân H giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày: Thửa đất của tôi là đất do bố mẹ chết để lại cho anh em nhưng sau đó anh em thống nhất cho tôi sử dụng cho đến năm 1992 nhà ở bị hư hỏng do bão, tôi đến ở và trông coi nhà cửa cho bác ruột là Trịnh T5; năm 1993 UBND đã cho người và máy đến dỡ nhà của tôi để làm dự án; tôi lên UBND xã hỏi thì được trả lời là Nhà nước đã lấy đất và giải quyết cho tôi sau nhưng sau nhiều năm không thấy giải quyết cho tôi. Vì năm 1993 đã phá dỡ nhà tôi nên năm 1995 khi cấp đất làm dự án

không còn nhà tôi trên đất nữa. Mặc dù đến ở và trông coi nhà cửa cho bác nhưng thửa đất của bố mẹ để lại là của tôi, Nhà nước lấy đất mà không bồi thường nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của tôi.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Thửa đất số 532, tờ bản đồ số 02, bản đồ 299, tại xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh là của ông Trịnh H6 và bà Phan Thị D (bố mẹ ông H) sử dụng từ trước năm 1975; trong hồ sơ quản lý đất đai, thửa đất mang tên bà H4 (tên gọi khác của bà D). Sau khi bố mẹ chết, vợ chồng ông H tiếp tục sử dụng thửa đất và các tài sản trên đất cho đến năm 1992 thì đến ở và trông coi nhà cửa hộ cho bác Trịnh T5 nhưng vẫn quản lý, sử dụng thửa đất và tài sản trên đất của bố mẹ để lại. UBND huyện N lấy đất của gia đình ông H giao cho Cục T8 và sau đó giao cho các tổ chức, cá nhân khác sử dụng nhưng không ban hành văn bản và không thực hiện các thủ tục thu hồi đất, không bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho gia đình ông H là không đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông H, sửa bản án sơ thẩm.

- Đại diện người bị kiện UBND huyện N, tỉnh Hà Tĩnh trình bày: Thừa nhận thửa đất có nguồn gốc là của bố mẹ ông H sử dụng từ trước năm 1980, có tên trong bản đồ 299 nhưng bản đồ 299 không phải là tài liệu xác định quyền sử dụng đất; tại thời điểm UBND huyện N lấy đất cấp cho Cục thuế tỉnh T8 năm 1997 thì trên đất không còn tài sản gì của ông H và gia đình ông H không còn quản lý, sử dụng thửa đất này nên đây là đất do UBND quản lý và do đó khi lấy đất thì UBND huyện không ban hành các thủ tục thu hồi đất; gia đình ông H không thuộc trường hợp được xem xét bồi thường, hỗ trợ nên việc ông H khiếu nại là không có cơ sở; đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của ông Trịnh Xuân H làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của các bên đương sự có cơ sở xác định: Thửa đất số 532, tờ bản đồ số 02, bản đồ 299, tại xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh có nguồn gốc là của ông Trịnh H6 và bà Phan Thị D (bố mẹ ông H) sử dụng từ trước năm 1975; sau khi bố mẹ chết, vợ chồng ông H tiếp tục sử dụng thửa đất và các tài sản trên đất cho đến năm 1992 thì đến ở và trông coi nhà cửa hộ cho bác Trịnh T5 nhưng vẫn quản lý, sử dụng thửa đất và tài sản trên đất của bố mẹ để lại. UBND huyện N lấy đất của gia đình ông H giao cho Cục T8 và sau đó giao cho các tổ chức, cá nhân khác sử dụng nhưng không ban hành văn bản và không thực hiện các thủ tục thu hồi đất, không bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho gia đình ông H là chưa đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông H. Đề

ngị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông Trịnh Xuân H và sửa quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2022/HC-ST ngày 04/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Trịnh Xuân H là trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa có mặt người khởi kiện có kháng cáo và đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện, có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và người bị kiện; vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng có người đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có người uỷ quyền cho người khác tham gia phiên tòa, những người vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần 02. Căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Về đối tượng, thời hiệu, thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 05/12/2018 người khởi kiện nộp đơn khởi kiện yêu cầu huỷ Công văn số 1297/UBND-TNMT ngày 02/10/2018 của UBND huyện N và buộc UBND huyện N, UBND xã X trả lại thửa đất số 532, tờ bản đồ số 2, bản đồ 299, diện tích 1.456m² tại xã X. Đây là yêu cầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Do đó, bản án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, yêu cầu khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện và xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh là đúng theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung; xét kháng cáo của ông Trịnh Xuân H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Xét tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Công văn số 1297/UBND-TNMT ngày 02/10/2018 của UBND huyện N:

Căn cứ quy định tại các Điều 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15, 18, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42 và Điều 43 Luật Khiếu nại năm 2011 thì thẩm quyền giải quyết nội dung khiếu nại của ông Trịnh Xuân H thuộc Chủ tịch UBND huyện N nên việc UBND huyện N ban hành Công văn số 1297/UBND-TNMT ngày 02/10/2018 trả lời giải quyết khiếu nại là chưa đúng thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

[2.2] Về nội dung của Công văn số 1297/UBND-TNMT ngày 02/10/2018 của UBND huyện N:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và lời khai thừa nhận của các bên đương sự, có căn cứ xác định: Thửa đất số 532, tờ bản đồ số 02, bản đồ 299, tại xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh có nguồn gốc là của ông Trịnh H6 và bà Phan Thị D (bố mẹ ông H) sử dụng từ trước năm 1975; trong hồ sơ quản lý đất đai, thửa đất mang tên bà H4 (tên gọi khác của bà D). Năm 1975 ông Trịnh H6 chết, năm 1985 bà Phan Thị D chết, vợ chồng ông Trịnh Xuân H tiếp tục sử dụng thửa đất và các tài sản trên đất cho đến năm 1992 thì chuyển đến ở và trông coi nhà cửa hộ cho bác Trịnh T5 nhưng vẫn thực hiện quyền quản lý, sử dụng thửa đất và các tài sản trên đất do bố mẹ chết để lại. Ngày 18/10/1997, UBND huyện N ban hành Quyết định số 146/QĐ/UB cấp quyền sử dụng đất xây dựng khu nhà nghỉ cho Cục T8 và sau đó giao cho các tổ chức, cá nhân khác sử dụng, trong đó có thửa đất nêu trên của gia đình ông Trịnh Xuân H nhưng không ban hành các văn bản và không thực hiện các trình tự, thủ tục thu hồi đất, không xem xét nguồn gốc đất để thực hiện việc xem xét bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là thực hiện chưa đúng quy định của pháp luật và chưa đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông H.

UBND huyện N căn cứ khoản 5, Điều 26 Luật Đất đai năm 2013 “*Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của N, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa M và N1*” để ban hành Công văn số 1297/UBND-TNMT ngày 02/10/2018 với nội dung bác toàn bộ yêu cầu khiếu nại của ông Trịnh Xuân H không đúng quy định pháp luật.

Tại phiên toà, UBND huyện N trình bày gia đình ông Trịnh Xuân H đã được Nhà nước cấp thửa đất số 58, tờ bản đồ số 15, diện tích 621,8m² và đã được cấp GCNQSDĐ số CE 388573 để ở nhưng thửa đất này của gia đình ông H được cấp không phải do bị thu hồi thửa đất số 532, tờ bản đồ số 02, bản đồ 299, tại xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

[2.3] Như vậy, việc ông Trịnh Xuân H khởi kiện yêu cầu tuyên hủy toàn bộ nội dung Công văn số 1297/UBND-TNMT ngày 02/10/2018 của UBND huyện N và buộc UBND huyện N, UBND xã X trả lại cho gia đình thửa đất số 532, tờ bản đồ số 02, bản đồ 299, với diện tích 1.456m² tại xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; hoặc giao thửa đất khác có giá trị tương đương; hoặc bồi thường số tiền tương đương với giá trị sử dụng đất là có cơ sở. Bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện ông Trịnh Xuân H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án.

[3] Với những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trịnh Xuân H; sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Ông Trịnh Xuân H không phải chịu án án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử.

1. Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trịnh Xuân H; sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2022/HC-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh như sau:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Xuân H; hủy toàn bộ nội dung Công văn số 1297/UBND-TNMT ngày 02/10/2018 của UBND huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

1.2. Buộc UBND huyện N thực hiện nhiệm vụ công vụ; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trịnh Xuân H theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Trịnh Xuân H không phải chịu án án phí hành chính phúc thẩm; trả lại cho ông Trịnh Xuân H số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000271 ngày 24/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSV, VP, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng